

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM 2016-2020 CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm 2016-2020 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã được Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 6814/BCT-TCNL ngày 22/7/2016

I. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

1. Những sự kiện quan trọng

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là Công ty Nhà nước được quyết định chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ (tiền thân là Tổng công ty Dầu khí Việt Nam)
- Vốn điều lệ: 301.400 tỷ đồng.

2. Quá trình phát triển

2.1 Chức năng, nhiệm vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- Tiến hành các hoạt động dầu khí và ký kết các hợp đồng dầu khí với tổ chức, cá nhân; tiến hành các hoạt động dầu khí theo quy định của Luật dầu khí; tổ chức quản lý, giám sát công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí trên cơ sở hợp đồng với các nhà thầu dầu khí, với công ty con và với các tổ chức, cá nhân khác;
- Trực tiếp sản xuất, kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Các quan hệ kinh tế phát sinh giữa PVN và các doanh nghiệp khác trong Tập đoàn được thể hiện bằng hợp đồng kinh tế;
- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; chi phối công ty con theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty con, công ty liên kết và thực hiện quyền và nghĩa vụ của PVN theo hợp đồng liên kết đối với công ty liên kết mà PVN không góp vốn;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn;
- Thực hiện những công việc khác mà Nhà nước giao cho PVN.

2.2 Mục tiêu kinh doanh

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu nhà nước đầu tư tại PVN và vốn của PVN đầu tư tại các doanh nghiệp khác, hoàn thành các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu nhà nước giao;
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn;
- Phát triển thành tập đoàn kinh tế có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; trong đó tập trung vào năm (05) lĩnh vực sản xuất, kinh doanh là thăm dò khai thác dầu khí, lọc – hóa dầu, công nghiệp khí, công nghiệp điện và dịch vụ dầu khí chất lượng cao; trong đó, thăm dò khai thác dầu khí là lĩnh vực kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, đào tạo; có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; làm nòng cốt để ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam phát triển bền vững, có khả năng cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả và bảo đảm an ninh năng lượng cho sự phát triển của đất nước.

2.3 Ngành, nghề kinh doanh chính

2.3.1. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên:

- Nghiên cứu, tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí, khí hóa than, làm dịch vụ về dầu khí ở trong và ngoài nước;
- Kinh doanh, phân phối các sản phẩm dầu, khí, các nguyên liệu hóa phẩm dầu khí;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Kiểm định kỹ thuật an toàn nồi hơi, bình chịu áp lực, tháo dỡ trang thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí;

2.3.2 Khai thác dầu thô:

- Kinh doanh, dịch vụ khai thác dầu thô, khí, các sản phẩm dầu, khí và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí ở trong và ngoài nước;

2.3.3 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

- Khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác, sửa chữa các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí;
- Thực hiện các dịch vụ dầu khí khác trong và ngoài nước.

2.3.4 Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện và phân bón;
- Đầu tư, sản xuất, chế biến, kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo;

2.3.5 Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu:

- Tư vấn đầu tư xây dựng, thiết kế các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí;

2.3.6 Giáo dục khác chưa được phân vào đâu

- Đào tạo, cung ứng nhân lực dầu khí, xuất khẩu lao động;
- Đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên trong và ngoài ngành dầu khí; dịch vụ đào tạo và tư vấn về đào tạo, liên doanh liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước, các trường, các trung tâm để tổ chức đào tạo và dịch vụ theo yêu cầu: giáo dục nghề nghiệp; đào tạo cao đẳng, liên thông đại học và sau đại học;

2.3.7 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:

- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, sản phẩm dầu khí, hóa dầu;
- Triển khai, phát triển các dự án năng lượng sạch, “cơ chế phát triển sạch”;

2.3.8 Sửa chữa máy móc, thiết bị:

- Sửa chữa hiệu chuẩn máy móc, thiết bị công nghiệp, lặn, đo lường, tự động hóa phục vụ hoạt động dầu khí;

2.3.9 Kiểm tra và phân tích kỹ thuật:

- Kiểm tra, thí nghiệm đo lường và phân tích kỹ thuật;

2.3.10 Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác:

- Dịch vụ vệ sinh các công trình;

2.3.11 Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là đơn vị nòng cốt của ngành Dầu khí, năng động, có tiềm lực mạnh về tài chính và khoa học công nghệ, có sức cạnh tranh cao ở trong nước và quốc tế, góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí

2.1.1 Ở trong nước

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản và tìm kiếm thăm dò dầu khí ở trong nước; đẩy mạnh công tác tận thăm dò đối với các khu vực đang khai thác nhằm duy trì và gia tăng sản lượng khai thác dầu khí; tích cực nghiên cứu và thăm dò các bể trầm tích mới, các dạng hydrocarbon phi truyền thống (khí than, khí nông, khí đá phiến sét, khí hydrate,...) để bổ sung trữ lượng phục vụ khai thác dầu khí.
- Khai thác hiệu quả các mỏ hiện có; phát triển và đưa các mỏ đã có phát hiện dầu khí vào khai thác một cách hợp lý và hiệu quả để sử dụng tài nguyên dầu khí trong nước lâu dài.
- Phân đấu gia tăng trữ lượng dầu khí đạt 20-40 triệu tấn quy dầu/năm; sản lượng khai thác dầu khí trong nước đạt 25-30 triệu tấn quy dầu/năm, trong đó: sản lượng dầu thô và condensate đạt 11-14 triệu tấn/năm; sản lượng khí đạt 10-14 tỷ m³/năm.

2.1.2 Ở nước ngoài

- Tiếp tục triển khai các hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài với những bước đi thận trọng, phù hợp với khả năng tài chính và năng lực quản lý của Tập đoàn, trên nguyên tắc hiệu quả và quản trị tốt rủi ro. Lựa chọn các khu vực có tiềm năng dầu khí cao, môi trường đầu tư tốt, thuận lợi về quan hệ chính trị theo thứ tự ưu tiên là: (i) Liên bang Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ; (ii) Đông Nam Á; (iii) Bắc và Nam Mỹ; (iv) Bắc Phi và Trung Đông.
- Phân đấu gia tăng trữ lượng dầu khí ở nước ngoài đạt 8-10 triệu tấn quy dầu/năm; sản lượng khai thác dầu thô ở nước ngoài đạt 2-4 triệu tấn/năm.

2.2. Về công nghiệp khí

- Phát triển lĩnh vực công nghiệp khí hoàn chỉnh, đồng bộ tất cả các khâu, từ: khai thác - thu gom - vận chuyển - chế biến - xuất nhập khẩu - dự trữ - phân phối khí và sản phẩm khí; duy trì cung cấp 100% thị phần khí khô và tối thiểu 70% thị phần LPG toàn quốc.
- Áp dụng chính sách giá khí hợp lý, theo nguyên tắc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước và doanh nghiệp, người dân và giữa các doanh nghiệp với nhau làm tiền đề phát triển mạnh mẽ công nghiệp khí.
- Nghiên cứu, tìm kiếm thị trường và xây dựng cơ sở hạ tầng kho cảng để sẵn sàng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) từ sau năm 2020. Nghiên cứu phương

án xây dựng đường ống kết nối các khu vực, hình thành đường ống dẫn khí quốc gia.

2.3. Về công nghiệp điện

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hiệu quả đầu tư đối với các dự án, nhà máy điện đã và đang triển khai, phát triển thêm một số dự án điện khí; không phát triển thêm các dự án thủy điện, điện than, điện gió,...
- Phân đầu đưa vào vận hành các nhà máy nhiệt điện: Thái Bình 2 (năm 2017-2018), Long Phú 1 (năm 2018-2019), Sông Hậu 1 (năm 2019), Quảng Trạch 1 (tổ máy số 1 năm 2020-2021). Nghiên cứu đầu tư xây dựng các nhà máy điện khí theo chiến lược và quy hoạch phát triển ngành khí, điện Việt Nam. Phân đầu đến năm 2020 đạt tổng công suất lắp đặt trên 8.400 MW, tổng sản lượng điện sản xuất từ các nhà máy điện của Tập đoàn chiếm 10-15% tổng sản lượng điện toàn quốc.

2.4. Về chế biến dầu khí

- Chú trọng phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước, hướng tới mục tiêu xuất khẩu. Tập trung phát triển lĩnh vực hóa dầu, hóa chất để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm dầu khí, tạo ra các nguyên, nhiên liệu, vật liệu để phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp trong nước, hướng tới xuất khẩu, giảm nhập siêu. Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài để phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí, trên nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích quốc gia và nhà đầu tư nước ngoài.
- Đẩy mạnh việc tích hợp, tổ hợp lọc - hóa dầu với các nguồn khí tự nhiên khai thác nhằm nâng cao hiệu quả công trình, dự án đã đầu tư và phát triển các dự án mới cả về quy mô, mức độ chế biến sâu, có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.
- Phân đầu công suất chế biến của các nhà máy lọc dầu đến năm 2020 đạt 16,5 triệu tấn dầu thô/năm.

2.5. Về dịch vụ dầu khí

- Đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại để đảm bảo chủ động thực hiện các dịch vụ cho các lĩnh vực kinh doanh chính, các dự án đầu tư trong ngành Dầu khí và mở rộng dịch vụ dầu khí ra nước ngoài. Xác định các dịch vụ chủ đạo: dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan; dịch vụ khảo sát, xử lý và minh giải địa chấn; dịch vụ địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm; dịch vụ thiết kế, chế tạo và xây lắp các công trình dầu khí; dịch vụ đóng mới và vận hành các phương tiện nổi phục vụ hoạt động dầu khí; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy/công trình dầu khí.
- Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ dầu khí để tăng khả năng cạnh tranh và tập trung vốn để tái đầu tư lĩnh vực cốt lõi của Tập đoàn.
- Phân đầu đến năm 2020, đáp ứng 60-70% nhu cầu dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan trong nước; cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát sửa chữa công trình ngầm; 80-90% nhu cầu trong nước về dịch vụ xây lắp dầu khí biển; 80-90% dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí và dịch vụ tàu chứa, xử lý và xuất dầu thô.

3. Kế hoạch triển khai

3.1. Về tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí

3.1.1 Về tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ở trong nước

- Tổ chức điều tra cơ bản, bổ sung tài liệu tìm kiếm thăm dò cho những vùng mức độ nghiên cứu còn thưa; tiếp tục triển khai khảo sát địa chấn 2D ở bể Phú Quốc; khảo sát địa chấn, từ và trọng lực nghiên cứu các cấu trúc thuộc phần chìm sâu của đới nâng Côn Sơn, khảo sát địa chấn, từ và trọng lực các phía Đông, Đông Nam và Nam các lô trên, khảo sát địa chấn, từ và trọng lực khu vực Tây Hoàng Sa. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài triển khai tìm kiếm, thăm dò ở các bể trầm tích có mực nước sâu từ 200-400m hoặc sâu hơn.
- Xác định rõ hơn trữ lượng dầu khí tiềm năng ở trong nước (khu vực bể Cửu Long: hoàn thành thăm dò, tận thăm dò và tiếp tục khai thác, bắt đầu triển khai công tác thu dọn mỏ; khu vực bể Nam Côn Sơn, bể Sông Hồng, bể Malay - Thổ Chu, Tư Chính Vũng Mây: tiếp tục thực hiện công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác; Khu vực bể Hoàng Sa, Trường Sa, Phú Khánh, từng bước thực hiện công tác điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng tiềm năng).
- Cơ bản hoàn thành khảo sát, điều tra cơ bản trên toàn thềm lục địa (không kể bể Trường Sa, Hoàng Sa và Phú Khánh).
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và hợp tác quốc tế nghiên cứu điều tra cơ bản dầu khí phi truyền thống, khí sét, khí than, khí hydrate.
- Duy trì khai thác an toàn, hiệu quả các mỏ đang và sẽ khai thác; kiểm soát chặt chẽ và thúc đẩy tiến độ triển khai các mỏ đang phát triển; đẩy mạnh công tác thăm lượng các đối tượng đã được phát hiện, hoàn thành công tác đánh giá phát triển mỏ và sớm đưa mỏ vào khai thác, đảm bảo mục tiêu tiến độ; tập trung triển khai, đảm bảo tiến độ và tối ưu chi phí công tác phát triển các phát hiện khí lớn như Lô B, Cá Voi Xanh,...
- Tổ chức khai thác có hiệu quả các mỏ dầu khí, phấn đấu đưa 19 mỏ/công trình mới ở trong nước vào khai thác gồm: giàn WHP Bunga Pakma Lô PM3-CAA, RC9 mỏ Rồng, BK-19, BK-5A, Sư Tử Trắng, giàn CPP Sư Tử Trắng, Hàm Rồng, Hàm Rồng Nam, giàn WHP Hàm Rồng Đông, Kinh Ngư Trắng, Kinh Ngư Vàng, giàn TLWP Cá Rồng Đỏ, FPSO Cá Rồng Đỏ, giàn WHP Cá Tầm, giàn WHP Đại Nguyệt, giàn WHP Sao Vàng, Kim Long - Ác Quỷ - Cá Voi, giàn WHP Rạch Tàu - Phú Tân - Khánh Mỹ.
- Xem xét thận trọng việc phát triển các mỏ nhỏ, cận biên và các mỏ đang khai thác có giá thành xấp xỉ giá thị trường. Nghiên cứu việc phối hợp cùng phát triển và khai thác các mỏ này để tăng hiệu quả đảm bảo nguồn thu quốc gia. Trong trường hợp chưa đủ điều kiện phát triển và khai thác coi đây là nguồn dự trữ.
- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ khai thác, các giải pháp gia tăng hệ số thu hồi dầu, kiểm chế đà suy giảm sản lượng của các mỏ hiện có. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai phát triển và khai thác các phát hiện ở những vùng nước sâu, xa bờ.
- Phát triển các mỏ mới theo kế hoạch, cân đối sản lượng khai thác từng năm và dự trữ dầu thô quốc gia, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội.

3.1.2 Về tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài

- Tập trung thực hiện các cam kết đối với các hợp đồng đã có.
- Khai thác an toàn và hiệu quả các mỏ tại các Lô PM304 (Malaysia); 433a-433b (Algeria); các mỏ dầu khí của Liên doanh Rusvietpetro; Lô 67 (Peru); phát triển đưa các dự án tại Nhenhetxky; Lô PM304 Malaysia; 67 Peru; Marine XI

Conggo,... vào khai thác đúng tiến độ.

- Thực hiện đầu tư mới có trọng tâm, trọng điểm, có hiệu quả kinh tế, trong đó lựa chọn các khu vực có tiềm năng dầu khí, thuận lợi về quan hệ chính trị, ngoại giao như: Liên bang Nga và các nước SNG, Mỹ La Tinh, Đông Nam Á để tìm kiếm các dự án tìm kiếm thăm dò mới, mua các mỏ đang khai thác, mua cổ phần trong các công ty đang khai thác, tham gia vào các hợp đồng đã có phát hiện kết hợp với tìm kiếm, thăm dò gia tăng trữ lượng xung quanh khu vực mua tài sản. Tăng cường nghiên cứu địa chất dầu khí nước ngoài để xác định và điều chỉnh các khu vực trọng điểm.
- Đầu tư vào các địa bàn khác khi có các dự án cụ thể có tiềm năng và hiệu quả tốt.
- Linh hoạt, đa dạng các hình thức đầu tư, chọn đối tác tin cậy và có uy tín quốc tế, công nghệ và tài chính để thành lập liên minh chiến lược cùng tham gia đầu thầu các dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở nước ngoài, đặc biệt đối với vùng nước sâu nhưng có nhiều tiềm năng và triển vọng dầu khí.

3.2. Về công nghiệp khí

- Vận hành an toàn và hiệu quả các hệ thống đường ống dẫn khí hiện có và nhà máy chế biến khí Dinh Cố.
- Phối hợp chặt chẽ với các chủ mỏ và hộ tiêu thụ, xây dựng và thực hiện kế hoạch thu gom hợp lý, chế độ khai thác linh hoạt, đáp ứng tối đa nhu cầu của hộ tiêu thụ.
- Bám sát công tác thăm dò, tìm kiếm để xây dựng, tính toán phương án thu gom, đầu tư đảm bảo sát thực, tối ưu, đồng bộ, hiệu quả.
- Đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư hệ thống thu gom khí đưa vào bờ như: dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn; dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 (giai đoạn 2); dự án thu gom khí Đại Nguyệt, Sao Vàng; dự án thu gom khí Sư Tử Trắng; dự án đường ống thu gom khí Hàm Rồng, Thái Bình (giai đoạn 2); dự án tăng công suất thu gom khí PM3- CAA.
- Xem xét đầu tư (nếu cần đối cung cầu khả quan) các dự án: thu gom khí Thăng Long- Đông Đô; thu gom khí các mỏ nhỏ bể Malay Thổ Chu; thu gom khí Cá Rồng Đỏ; thu gom khí Lô 103-107. Sẵn sàng phương án thu gom ngay khi có kết quả thăm dò khai thác ở bể Phú Khánh, Tư Chính Vũng Mây, Trường Sa, Hoàng Sa,... nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định, lâu dài và phát triển ngành công nghiệp khí qui mô lớn.
- Nghiên cứu, áp dụng giải pháp đầu tư thu gom khí phù hợp (CNG, LNG) đối với các mỏ nhỏ, có giá trị cận biên, đặc biệt là các mỏ khí đồng hành nhằm hạn chế tối đa việc đốt bỏ khí, gia tăng sản lượng khí trong nước,....
- Tiếp tục đầu tư bổ sung và nâng cấp nhà máy, đường ống và trạm phân phối của hệ thống Bạch Hổ, Nam Côn Sơn, PM3-CAA đảm bảo tiếp nhận, xử lý và phân phối toàn bộ lượng khí đưa vào bờ, đặc biệt khi có các nguồn khí bổ sung từ các mỏ: Thiên Ưng, Đại Hùng, Sư Tử Trắng, khu vực Tây Nam Bộ,...
- Tiếp tục thực hiện giải pháp tăng tỷ lệ thu hồi LPG; triển khai đầu tư các dự án: cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố, tách ethane cung cấp cho dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam; triển khai đầu tư các trạm nén khí: CNG Tiền Hải, CNG tại Tây Nam Bộ.
- Tập trung nguồn lực đầu tư các dự án LNG: Kho LNG Thị Vải công suất 1 triệu tấn/năm và đường ống LNG Thị Vải - Phú Mỹ; Kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ và đường ống LNG Sơn Mỹ - Phú Mỹ.

- Xây dựng, thực hiện chương trình nhập khẩu dài hạn, tạo nguồn cung ổn định; đẩy mạnh mối quan hệ chặt chẽ với các nhà cung cấp LPG lớn trên thế giới nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định, cạnh tranh. Phát triển hệ thống phân phối rộng khắp trên toàn quốc với các dịch vụ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, tiện lợi, an toàn, chất lượng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Duy trì và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh LPG tại nước ngoài nhằm cân bằng và ổn định nguồn cung trong nước.
- Phát triển dự án Autogas và City gas: tập trung phát triển trước tại các khu đô thị đông dân cư, mật độ giao thông vận tải cao, các khu nhà ở tập trung với các chính sách hỗ trợ thích hợp. Trước mắt tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu,... sau đó sẽ mở rộng ra các tỉnh/thành khác trên toàn quốc.
- Thường xuyên rà soát công tác đầu tư hệ thống kho chứa, cảng xuất, trạm nạp và hệ thống phân phối sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG), đảm bảo việc tàng trữ, phân phối kịp thời, thuận tiện, ổn định, hiệu quả, đáp ứng mục tiêu kinh doanh.

3.3. Về công nghiệp điện

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hiệu quả đầu tư đối với các dự án, nhà máy điện đã và đang triển khai.
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng các dự án nhiệt điện than đã được Chính phủ giao: Thái Bình 2, Long Phú 1, Sông Hậu 1, Quảng Trạch 1 với tổng công suất từ các dự án này là 4.800 MW. Phát triển thêm một số dự án điện khí; không phát triển thêm các dự án thủy điện, điện than, điện gió,...
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình do Thủ tướng Chính phủ quy định.
- Sử dụng than nội địa với khối lượng 3,0-6,4 triệu tấn/năm đảm bảo vận hành ổn định các Nhà máy nhiệt điện than: Vũng Áng 1, Thái Bình 2; đồng thời nhập khẩu than đủ để cung cấp 4,5-7,5 triệu tấn/năm, đảm bảo vận hành ổn định các Nhà máy: Long Phú 1, Sông Hậu 1, Quảng Trạch 1.

3.4. Về chế biến dầu khí

- Vận hành an toàn và hiệu quả các nhà máy trong lĩnh vực chế biến dầu khí hiện có (Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy đạm Phú Mỹ, Nhà máy đạm Cà Mau, Nhà máy chế biến condensate Cái Mép); thúc đẩy đầu tư các dự án đang triển khai đầu tư và chuẩn bị đầu tư.
- Chú trọng phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước, hướng tới mục tiêu xuất khẩu. Tập trung phát triển lĩnh vực hóa dầu, hóa chất để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm dầu khí, tạo ra các nguyên, nhiên liệu, vật liệu để phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp trong nước, hướng tới xuất khẩu, giảm nhập siêu. Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài để phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí, trên nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích quốc gia và nhà đầu tư nước ngoài.
- Đẩy mạnh việc tích hợp, tổ hợp lọc - hóa dầu với các nguồn khí tự nhiên khai thác nhằm nâng cao hiệu quả công trình, dự án đã đầu tư và phát triển các dự án mới cả về quy mô, mức độ chế biến sâu, có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.
- Phát triển hợp lý hệ thống phân phối xăng dầu nhằm góp phần đảm bảo lưu thông và bình ổn thị trường tiêu thụ; tăng cường các giải pháp gia tăng dự trữ về dầu thô và sản phẩm xăng dầu để góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; giảm

thiếu tác động đối với nền kinh tế trong trường hợp nguồn cung xăng dầu trên thị trường thế giới biến động bất thường.

- Tập trung phát triển, sử dụng rộng rãi nhiên liệu sinh học nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và bảo vệ môi trường. Khuyến khích sự tham gia tối đa của các thành phần kinh tế khác trong lĩnh vực phân phối sản phẩm xăng dầu của Tập đoàn. Tổ chức thực hiện cam kết bao tiêu sản phẩm của Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

3.5. Về dịch vụ dầu khí

- Đầu tư 2-3 giàn khoan biển (1-2 giàn khoan tự nâng và 01 giàn khoan nửa nổi nửa chìm), đưa tổng số giàn khoan lên 8 giàn, phần đầu đáp ứng 60-70% nhu cầu dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan trong nước từ các giàn khoan, thiết bị tự có. Triển khai cung cấp dịch vụ khoan ra nước ngoài.
- Đầu tư công nghệ dịch vụ công tác địa chấn, thiết bị ROV, tổ hợp lặn bão hòa,...; đào tạo đội ngũ nhân sự chất lượng cao làm chủ các công nghệ mới; phần đầu từ năm 2016 cơ bản đáp ứng được nhu cầu dịch vụ này ở trong nước và từng bước phát triển dịch vụ ra khu vực và thế giới.
- Đáp ứng 80-90% nhu cầu trong nước về dịch vụ xây lắp dầu khí biển, thực hiện trọn gói các hợp đồng tổng thầu EPCI cho toàn bộ kết cấu thượng tầng và các kết cấu hạ tầng giàn khai thác dầu khí và từng bước phát triển dịch vụ ra nước ngoài.
- Nâng cao năng lực chế tạo giàn khoan dầu khí, đáp ứng nhu cầu trong nước và cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.
- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ chuyên gia thiết kế. Liên doanh liên kết với các nhà thiết kế có tiềm lực trên thế giới để từng bước nâng cao trình độ, phát triển nguồn lực tiến tới có thể tự thiết kế các công trình dầu khí có mức độ công nghệ phức tạp;
- Đẩy nhanh công tác đầu tư, tái đầu tư phát triển đội tàu, phần đầu đáp ứng 80-90% thị trường trong nước từ đội tàu tự có; đào tạo đội ngũ cán bộ thuyền viên, đặc biệt là đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, kiến thức luật hàng hải quốc tế, ngoại ngữ,... đáp ứng được yêu cầu làm dịch vụ tại nước ngoài.
- Hợp tác liên doanh với các đối tác có uy tín để cùng góp vốn và điều hành chung, phần đầu đáp ứng trên 80-90% thị trường FSO/FPSO tại Việt Nam. Tham gia các công đoạn thiết kế, hoán cải và sửa chữa FSO/FPSO. Đến năm 2020 có thể đảm đương được vai trò là nhà thầu chính trong việc hoán cải và sửa chữa lớn cho tàu FSO/FPSO.
- Tiếp tục duy trì việc khai thác an toàn, hiệu quả hệ thống căn cứ cảng hiện có như Cảng Hạ Lưu tại Vũng Tàu, Cảng đạm và dịch vụ tổng hợp dầu khí Phú Mỹ, Bến số 1 Cảng Dung Quất, Hòn La (Quảng Bình), Đình Vũ (Hải Phòng),... phục vụ cho các hoạt động trong và ngoài ngành dầu khí.
- Nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống các căn cứ cảng tại các địa bàn mang tính chiến lược, gắn liền với các dự án lớn cũng như tiềm năng về dầu khí.
- Củng cố đội ngũ và chuyên môn hóa dịch vụ vận hành khai thác mỏ, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khai thác dầu khí; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực thực hiện dịch vụ bảo dưỡng các nhà máy điện, đạm, lọc dầu.

Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2016-2020

TT	Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Kế hoạch 05 năm 2016-2020
I	Gia tăng trữ lượng phát hiện	Triệu tấn quy dầu/năm	20-40
II	Khai thác dầu khí	Triệu tấn quy dầu	115-135
1	Khai thác dầu thô	Triệu tấn	65-80
	- Trong nước	Triệu tấn	55-65
	- Nước ngoài	Triệu tấn	10-15
2	Khai thác khí	Tỷ m ³	50-55
III	Sản xuất các sản phẩm khác		
1	Urê	Nghìn tấn	7.600-7.800
2	Phân bón NPK	Nghìn tấn	750-850
3	Điện	Tỷ kWh	140-150
5	Sản phẩm lọc dầu	Triệu tấn	50-54
6	Sản phẩm hóa dầu	Nghìn tấn	4.500-5.000
7	Sản phẩm xơ sợi	Nghìn tấn	200-250
8	Sản phẩm nhiên liệu sinh học	Nghìn tấn	150-200
IV	Tổng doanh thu	1.000 tỷ đồng	2.800-3.100
V	Nợ ngân sách Nhà nước	1.000 tỷ đồng	450-480
VI	Vốn điều lệ (Công ty mẹ) cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	400-420
VII	Tổng nhu cầu đầu tư	1.000 tỷ đồng	606,2
1	Vốn Tập đoàn thu xếp	1.000 tỷ đồng	350,0
1.1	Vốn chủ sở hữu	1.000 tỷ đồng	147,9
	- Vốn Tập đoàn đầu tư	1.000 tỷ đồng	117,3
	- Tăng vốn điều lệ cho đơn vị	1.000 tỷ đồng	30,6
1.2	Vốn vay khác	1.000 tỷ đồng	202,1
2	Vốn đơn vị thu xếp	1.000 tỷ đồng	256,2
2.1	Vốn chủ sở hữu	1.000 tỷ đồng	84,4
2.2	Vốn vay	1.000 tỷ đồng	171,8

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016 CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

1. Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất

Các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng sản xuất được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1903/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2015 về việc “Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016”

CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2016
1	Khai thác dầu	Triệu tấn	16,03
	- Trong nước	Triệu tấn	14,02
	- Ngoài nước	Triệu tấn	2,01
2	Khai thác khí	Tỷ m ³	9,61
3	Phân đạm Ure	Nghìn tấn	1.582
4	Xăng dầu các loại	Triệu tấn	5,69
5	Điện sản xuất	Tỷ Kwh	20,27

2. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-DKVN ngày 22/01/2016 về việc “Phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)”

- Doanh thu: 275.305 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 32.630 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 22.672 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 55.527 tỷ đồng